

## So sánh Hiện tại hoàn thành vs Quá khứ đơn trong tiếng Anh (II)

### A. Hiện tại hoàn thành vs Quá khứ đơn

Chúng ta không dùng thì **Hiện tại hoàn thành (Present Perfect)** khi nói về một thời điểm đã kết thúc (chẳng hạn **Yesterday, ten minutes ago, in 1995, when I was a child, ...**), mà khi đó chúng ta phải sử dụng thì **Quá khứ đơn (Past Tense)**.

Bạn theo dõi các ví dụ sau:

- The weather was nice yesterday. (không nói "have been nice") Hôm qua thời tiết đẹp. - They arrived ten minutes ago. (không nói "have arrived") Họ đã đến 10 phút trước đó. - I ate a lot of sweets when I was a child. (không nói "have eaten") Tôi đã ăn nhiều kẹo khi tôi còn là một đứa bé. - A: Did you see the new on television last night? (không nói "Have you seen") Bạn có xem tin tức trên truyền hình tối qua không? B: No, I went to bed early. (không nói "have gone") Không, tối qua tôi đi ngủ sớm.

Chúng ta sử dụng thì **Quá khứ đơn (Past Tense)** để hỏi về thời gian với **When ... ?** hay **What time ... ?**

Ví dụ:

- When did they arrive? (không nói "have they arrived") Họ đã đến khi nào vậy? - What time did you finish work? Bạn hoàn thành công việc lúc mấy giờ?

- Hiện tại hoàn thành:

- Tom has lost his key. He can't get into the house. Tom đã làm mất chìa khóa. Anh ấy không thể vào nhà.

Ở đây chúng ta không nghĩ về hành động mà nghĩ tới kết quả hiện tại của hành động đó: hiện giờ Tom không có chìa khóa vào nhà.

- Quá khứ đơn:

- Tom lost his key yesterday. He couldn't get into the house. Hôm qua Tom làm mất chìa khóa. Anh ấy đã không vào nhà được.

Ở đây chúng ta nói về hành động xảy ra trong quá khứ, mà không quan tâm đến việc hiện giờ Tom có chìa khóa hay chưa.

## B. So sánh hai thì qua các ví dụ

- Hiện tại hoàn thành (have done):

- I've done a lot of work today. Hôm nay tôi đã làm nhiều việc.

Chúng ta sử dụng thì Hiện tại hoàn thành khi đề cập đến một khoảng thời gian liên tục từ quá khứ đến hiện tại. Ví dụ như: **today, this week, since 1995, ...**

- Quá khứ đơn (did):

- I did a lot of work yesterday. Hôm qua tôi đã làm nhiều việc.

Chúng ta sử dụng thì Quá khứ đơn giản khi đề cập tới một thời điểm kết thúc trong quá khứ. Ví dụ như: **yesterday, last week, from 1985 to 1990, ...**

Dưới đây là một số ví dụ minh họa cách sử dụng hai thì Hiện tại hoàn thành và Quá khứ đơn trong tiếng Anh.

Hiện tại hoàn thành	Quá khứ đơn giản
- It hasn't rained this week. Tuần này trời không mưa.	- It didn't rain last week. Tuần rồi trời không mưa.
- Have you seen Ann this morning? Từ sáng tới giờ bạn có gặp Ann không? (bây giờ vẫn còn là buổi sáng)	- Did you see Ann this morning? Sáng nay bạn có gặp Ann không? (bây giờ đã là buổi chiều hay buổi tối rồi)
- Have you seen Ann recently? Gần đây bạn có gặp Ann không?	- Did you see Ann on Sunday? Bạn có gặp Ann hôm chủ nhật không?
- I don't know where Ann is. I haven't seen her. Tôi không biết Ann ở	- A: Was Ann at the party on Sunday? Ann có tham dự buổi tiệc vào chủ nhật

đâu. Tôi đã không nhìn thấy cô ấy. (= Gần đây tôi không gặp cô ấy)	phải không? B: I don't think so. I didn't see her. Tôi không nghĩ thế. Tôi không gặp cô ấy.
- We've been waiting for an hour. Chúng tôi đã chờ cả giờ đồng hồ rồi. (bây giờ chúng tôi vẫn tiếp tục chờ)	- We waited (hoặc were waiting) for an hour. Chúng tôi đã chờ hàng giờ đồng hồ. (bây giờ chúng tôi không chờ nữa)
- Ian lives in London. He has lived there for seven years. Ian đang sống ở London. Anh ấy đã sống ở đó được 7 năm rồi.	- Ian lived in Scotland for ten years. Now he lives in London. Ian đã sống ở Scotland 10 năm rồi. Bây giờ anh ta sống ở London.
- I have never played golf. (in my life) Tôi chưa bao giờ chơi golf (trong đời tôi)	- I didn't play golf when I was on holiday last summer Tôi đã không chơi golf vào kỳ nghỉ mùa hè năm ngoái

Bạn có thể tham khảo thì **Hiện tại hoàn thành** ở các chương:

- [Thì Hiện tại hoàn thành trong tiếng Anh \(I\)](#)
- [Thì Hiện tại hoàn thành trong tiếng Anh \(II\)](#)

Bạn có thể tham khảo thì **Quá khứ đơn** ở các chương:

- [Thì Quá khứ đơn trong tiếng Anh](#)